

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 4 - 2023

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Thạch;

Ông Đặng Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mộng T; Cư trú tại: Ấp Mỹ L, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn L; Cư trú tại: Ấp Phước N, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn L tổ chức lễ cưới năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T vào ngày 12/3/2014. Thời gian đầu anh chị chung sống vui vẻ, hạnh phúc, nhưng đến thời gian sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống do cả hai không có tiếng nói chung. Vợ chồng không còn chung sống từ tháng 3/2019 đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16/3/2015 con đang sống chung với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Lê Thị Mộng T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn L.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh L có một con chung tên Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16/3/2015, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con đến khi con đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn L: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn không có mặt tại địa phương, nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn được. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự: Quyết định phân công giải quyết vụ án; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Chị T và anh L chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 3/2019 anh chị không còn chung sống cho đến nay; Về con chung tên Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16/3/2015 hiện nay con đang sống chung với chị T, tiếp tục giao con chung tên Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16/3/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mộng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án triệu tập hợp lệ nguyên đơn để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của nguyên đơn không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú ấp Phước N, xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Lê Thị Mộng T và anh Trần Văn L, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 51, Quyển số: 01/2014 ngày 12 tháng 3 năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống với nhau có 01 người con chung. Tuy nhiên, chị T và anh L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 3/2019, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nên anh L đã bỏ địa phương đi từ tháng 3/2019, anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2019 cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 08/2021/QĐST-VDS ngày 23 tháng 11 năm 2021 tuyên bố anh L đã mất tích. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh L có 01 con chung tên Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2015, hiện nay cháu N đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, từ khi anh L bỏ nhà đi cho đến nay cháu N do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc nên về mặt tình cảm thì cháu N gần bó và yêu mến chị T nhiều hơn anh L, Tòa án có ghi ý kiến cháu N, cháu có nguyện vọng sống chung với chị T, hơn nữa cháu N là giới nữ nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, điều kiện chăm sóc của chị T thuận lợi hơn anh L vì anh L đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu N, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[6] Về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L là người không trực tiếp nuôi con, nên anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T có khả năng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T là người có đơn xin ly hôn, chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Mộng T và anh Trần Văn L.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Trần Lê Bảo N, sinh ngày 16 tháng 3 năm 2015 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Lê Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005288 ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Ủy ban nhân dân xã Mỹ P,
Huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Kiều Oanh